

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 809 /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 22 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí lập

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên

đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

SỞ VĂN HÓA, THIẾT TẠO VÀ DU LỊCH

C

639
Ngày 22.4.16

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 14/6/2005;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; số 92/2007NĐ-CP ngày 01/6/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; số 2163/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; số 1355/QĐ-TTg ngày 14/8/2015 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 hướng dẫn xác định định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu; số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Báo cáo số 1145/BC-SKHĐT ngày 19/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định Đề cương Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 21/TTr- SVHTTDL ngày 02/3/2016 và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí lập Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án quy hoạch: Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

2. Cơ quan lập quy hoạch: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

3. Mục tiêu của dự án quy hoạch

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 là bước cụ thể hoá Chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn 2030; các định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVIII và làm cơ sở để lập các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn, các quy hoạch chi tiết và các dự án phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, đảm bảo tính khả thi, cân đối cung - cầu, khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch, phát huy thế mạnh, tạo ra sản phẩm du lịch đặc thù, thu hút khách du lịch, đưa du lịch Hưng Yên phát triển trở thành ngành kinh tế quan trọng và ngang tầm khu vực.

4. Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch

- Phạm vi: Theo địa giới hành chính tỉnh Hưng Yên;
- Thời kỳ: Quy hoạch đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

5. Nhiệm vụ của dự án quy hoạch

- Đánh giá hiện trạng phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2005- 2015;
- Xác định vị trí, vai trò và lợi thế phát triển du lịch Hưng Yên trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, vùng và quốc gia trong giai đoạn phát triển mới;
- Phân tích, đánh giá tiềm năng, hiện trạng tài nguyên du lịch, thị trường du lịch và các nguồn lực phát triển du lịch;
- Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển du lịch, dự báo các chỉ tiêu và luận chứng các phương án phát triển du lịch;
- Tổ chức không gian du lịch; kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch;
- Xác định các khu vực ưu tiên đầu tư, đề xuất danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (về quy mô, nhu cầu vốn...); nhu cầu sử dụng đất làm cơ sở xây dựng các quy hoạch chi tiết và các dự án nhằm thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước cho phát triển du lịch;

- Đánh giá tác động môi trường, đề xuất một số giải pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch góp phần đảm bảo phát triển du lịch bền vững;
- Đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý, phát triển du lịch theo Quy hoạch.

6. Sản phẩm của dự án quy hoạch

- 01 bộ bản đồ màu, tỷ lệ 1/150.000 - 1/100.000;
- 10 bộ báo cáo tổng hợp kèm theo bản đồ khổ A3;
- 10 bộ báo cáo tóm tắt kèm theo bản đồ khổ A3;
- Tờ trình xin phê duyệt Quy hoạch.

7. Dự toán kinh phí thực hiện

- Kinh phí lập quy hoạch: 356.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi sáu triệu đồng);
- Riêng chi phí mua phần mềm bản đồ hành chính tỉnh, phần mềm bản đồ địa hình tỉnh và văn phòng phẩm thực hiện thanh toán theo thực tế hóa đơn khi hoàn thành dự án quy hoạch;
- Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

8. Tiến độ thực hiện: 2016- 2017.

(Có Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng quy hoạch và triển khai lập quy hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Văn hoá Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^{Ph}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Duy Hưng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hung Yên, ngày 22 tháng 4 năm 2016

ĐỀ CƯƠNG
QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH HUNG YÊN
ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI QUY HOẠCH

Hưng Yên là tỉnh nằm ở trung tâm Đồng bằng sông Hồng, thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; phía Bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, phía Đông giáp tỉnh Hải Dương, phía Tây và Tây Bắc giáp Thủ đô Hà Nội, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình và phía Tây Nam giáp tỉnh Hà Nam. Trong quy hoạch xây dựng, tỉnh Hưng Yên thuộc vùng Hà Nội.

Thành phố Hưng Yên là trung tâm hành chính của tỉnh, cách thủ đô Hà Nội 65 km và sân bay quốc tế Nội Bài 100 km về phía Tây Bắc, cách thành phố Hải Dương 50 km về phía Đông Bắc theo đường bộ. Thành phố nằm bên bờ sông Hồng, cách Hà Nội khoảng 50 km về phía Tây Bắc và cửa biển Ba Lạt (Nam Định) khoảng 70 km về phía Đông Nam theo đường sông.

Dân số tỉnh Hưng Yên đến năm 2015 có gần 1,2 triệu người với mật độ dân số khoảng 1.300 người/km², vào loại cao so với mật độ trung bình của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước. Tỷ lệ dân số làm nông nghiệp rất cao, ước tính hơn 85%. Tuy nhiên, gần đây tỷ lệ này đang có xu hướng giảm do tốc độ phát triển nhanh của khu vực công nghiệp, dịch vụ.

Tỉnh Hưng Yên có 161 xã, phường và thị trấn được chia thành 10 đơn vị hành chính bao gồm thành phố Hưng Yên (7 phường, 10 xã) và 9 huyện: Khoái Châu (1 thị trấn, 24 xã); Kim Động (1 thị trấn, 16 xã); Mỹ Hào (1 thị trấn, 12 xã); Phù Cừ (1 thị trấn, 13 xã); Tiên Lữ (1 thị trấn, 14 xã); Văn Giang (1 thị trấn, 10 xã); Văn Lâm (1 thị trấn, 10 xã) và Yên Mỹ (1 thị trấn, 16 xã); Ân Thi (1 thị trấn, 20 xã).

Vùng đất Hưng Yên nổi danh từ thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh với Phố Hiến, vốn là thương cảng đô hội quan trọng bậc nhất ở Đàng Ngoài. Thuyền bè ngược sông Hồng lên Thăng Long "Kẻ Chợ" đều phải dừng ở Phố Hiến để xin phép vào Thăng Long nên Phố Hiến trở thành tụ điểm sầm uất. Người Tàu, người Nhật và người Tây phương đều đến đây buôn bán. Từ đó, dân gian đã có câu: "Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến".



Hưng Yên là tỉnh đồng bằng không có rừng, núi và biển. Độ cao đất đai không đồng đều, hình thành các dải, các khu, vùng cao thấp xen kẽ nhau như làn sóng. Điểm trung tâm đồng bằng Bắc Bộ nằm ở thôn Dung (Thiên Xuân), xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ.

Hưng Yên nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm 4 mùa rõ rệt (xuân, hạ, thu, đông). Mùa mưa kéo dài từ cuối tháng 4 đến tháng 10 hàng năm. Lượng mưa trong mùa mưa chiếm tới 70% tổng lượng mưa cả năm.

Hệ thống giao thông Hưng Yên tương đối phát triển.

Trên địa bàn Hưng Yên có các quốc lộ như QL 5A (Ninh Quỳnh - Minh Đức); QL 39A (Phổ Nối - Triều Dương); QL 38 (Cổng Tranh - Trương Xá, thành phố Hưng Yên - cầu Yên Lệnh); QL 38 B (Hải Dương - Ninh Bình) và tương lai có thêm quốc lộ 5B (Con đường rộng 8 làn hiện đại bậc nhất Việt Nam, xuất phát từ cầu Thanh Trì đến thành phố cảng Hải Phòng, chạy qua các huyện Văn Giang, Yên Mỹ, Ân Thi với tổng chiều dài 29 km).

Tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng chạy qua địa phận Hưng Yên 17 km, từ Ninh Quỳnh tới Lương Tài.

Đường thủy Sông Hồng là ranh giới của Hưng Yên với các tỉnh, thành phía Tây, dài 57 km. Sông Luộc là ranh giới với tỉnh Thái Bình dài 25 km. Sông Luộc và sông Hồng giao nhau tại địa phận thành phố Hưng Yên. Ngoài ra còn các sông nhỏ khác như: sông Sắt, sông Canh, sông Cửu An... Hệ thống đại thủy nông Bắc Hưng Hải chủ yếu phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp tỉnh này.

Để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, nhân dân và chính quyền tỉnh Hưng Yên đã và đang tạo điều kiện tốt nhất nhằm thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài, tỉnh ngoài vào đầu tư, nhanh chóng đưa Hưng Yên trở thành một trong những khu vực kinh tế năng động của vùng Đồng bằng sông Hồng, góp phần xây dựng tỉnh Hưng Yên giàu đẹp, phồn vinh và thịnh vượng.

Về phương diện du lịch, Hưng Yên nằm trong khu vực trung tâm Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc, và kề liền thủ đô Hà Nội, trung tâm du lịch cả nước, vị trí địa lý đem lại lợi thế nhất định cho tỉnh trong việc kết nối phát triển du lịch.

Bên cạnh đó, Hưng Yên là vùng "Địa linh nhân kiệt", luôn đóng góp bậc hiền tài cho đất nước ở mỗi thời kỳ. Tỉnh có 4 trạng nguyên trên tổng số 53 trạng nguyên của cả nước. Hiện tại Văn miếu Xích Đằng còn lưu trên bia đá tên hàng trăm tiến sĩ khoa bảng của tỉnh trong các thời kỳ phong kiến. Thời cận đại và hiện đại nhiều người con Hưng Yên đã có công lao với đất nước góp phần làm rạng danh dân tộc Việt Nam như Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thiện Thuật, Tô Hiệu, Nguyễn Văn Linh, Lê Văn Lương .v.v... Các danh nhân xưa và nay trên mảnh đất Hưng Yên đều gắn liền với hệ thống di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn tỉnh góp phần làm đa dạng tiềm năng du lịch.



Đền này, trên địa bàn tỉnh có hơn 1.200 di tích, trong đó có 01 khu di tích quốc gia đặc biệt- Khu di tích Phố Hiến, 164 di tích và cụm di tích cấp quốc gia (đứng thứ ba trên cả nước), 187 di tích, cụm di tích cấp tỉnh. Trong số các di tích trên, các di tích tiêu biểu đã và đang thu hút khách du lịch thập phương như: Cụm di tích Phố Hiến ở thành phố Hưng Yên; Cụm di tích Đa Hòa - Dạ Trạch, Hàm Tử - Bãi Sậy thuộc huyện Khoái Châu; Cụm di tích Hải Thượng Lãn Ông - Phố Nối thuộc huyện Yên Mỹ; Cụm di tích đền Phù Ủng huyện Ân Thi; Cụm di tích Tống Trân - Cúc Hoa huyện Phù Cừ.v.v... Đây là nguồn tài nguyên quý giá để phát triển du lịch Hưng Yên trong giai đoạn tiếp theo.

Là một tỉnh đồng bằng gắn liền với nền văn minh lúa nước, Hưng Yên có nhiều lễ hội (hơn 400 lễ hội) phản ánh khá rõ nét con người, truyền thống, phong tục mà thông qua đó bày tỏ lời cảm ơn của mình đối với trời đất, thần nước và cầu mong có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc, cảm ơn những người có công đức, tưởng nhớ tới các vị anh hùng. Nét độc đáo của nhiều lễ hội truyền thống ở Hưng Yên là các lễ rước thường gắn liền với sông Hồng như lễ hội Đền Mẫu, Đền Dạ Trạch, Đền Đa Hòa...

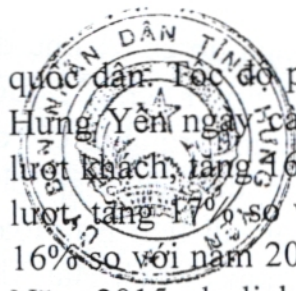
Về văn học dân gian ngoài kho tàng chung của văn học dân gian đồng bằng Bắc Bộ, còn có những thể loại riêng mà chỉ Hưng Yên mới có, chẳng hạn như lời của các bài hát trống quân - một lối hát phổ biến ở Hưng Yên xưa kia, hiện nay vẫn còn giữ được... Ngoài ra còn có các thể loại hát chèo, hát a đào,... Đây là những nguồn tài nguyên giá trị cho phát triển du lịch.

Hưng Yên cũng là quê hương của nhiều đặc sản nổi tiếng như: Nhãn lồng Phố Hiến (thành phố Hưng Yên), gà Đông Tảo (Đông Cảo) (Đông Tảo- Khoái Châu), sen Nễ Châu, bún thang Thê Kỵ (thành phố Hưng Yên), tương Bần (Mỹ Hào), Bánh Cuốn Nóng làng Sài Thị (Thuần Hưng, Khoái Châu), ếch om Phụng Tường (Tiền Lữ), bánh dày làng Gàu (Cửu Cao - Văn Giang), chả gà.v.v...rất hấp dẫn khách du lịch.

Với mục tiêu phát huy tiềm năng và lợi thế du lịch, năm 2001, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hưng Yên giai đoạn 2001- 2010 và những định hướng đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt với các nội dung quan trọng làm cơ sở pháp lý để triển khai chỉ đạo, quản lý các hoạt động của ngành du lịch trên phạm vi toàn tỉnh.

Nội dung quy hoạch đã có những định hướng quan trọng phát triển du lịch tỉnh thời gian qua. Cùng với tiến trình phát triển trên đây của du lịch cả nước, du lịch tỉnh Hưng Yên đã đạt được những thành tựu đáng kể, có những đóng góp tích cực trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đối với sự phát triển du lịch chung của cả nước. Du lịch Hưng Yên đang từng bước trở thành một trong những ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của địa phương.

Những kết quả đánh giá thông qua các chỉ tiêu về lượng khách, thu nhập, tỷ trọng GDP và việc làm đã khẳng định vai trò của ngành du lịch trong nền kinh tế



quốc dân. Tốc độ phát triển du lịch hàng năm đạt trên 15%, khách du lịch đến Hưng Yên ngày càng tăng. Năm 2011, du lịch Hưng Yên đón gần 186 nghìn lượt khách, tăng 16% so với năm 2010, trong đó khách quốc tế đạt gần 7 nghìn lượt, tăng 17% so với năm 2010. Tổng thu từ du lịch đạt gần 70 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2010, GDP du lịch đạt khoảng 1,5% trong tổng GDP toàn tỉnh. Năm 2015, du lịch Hưng Yên đón được 385.000 lượt khách (tăng 12% so với năm 2014), trong đó có 10.000 lượt khách quốc tế, tổng thu đạt khoảng 102 tỷ đồng.

Ngành du lịch Hưng Yên đã có đóng góp nhất định vào tăng trưởng kinh tế, xoá đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, bảo vệ môi trường và giữ vững an ninh, quốc phòng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, đánh giá qua 10 năm thực hiện quy hoạch cho thấy du lịch Hưng Yên còn nhiều hạn chế và bất cập; nhiều khó khăn, trở ngại vẫn chưa có giải pháp thoả đáng; chưa có bước phát triển đột phá để khẳng định thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn; kết quả chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, phát triển nhưng vẫn ẩn chứa nhiều nguy cơ, yếu tố thiếu bền vững.

Những năm gần đây, xu hướng hội nhập, hợp tác, cạnh tranh toàn cầu, giao lưu mở rộng và tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong nền kinh tế tri thức trên thế giới đang tạo những cơ hội to lớn đồng thời cũng là thách thức đối với phát triển du lịch cả nước trong đó có du lịch Hưng Yên.

Chính sách đổi mới, mở cửa và hội nhập của Việt Nam với việc gia nhập sâu rộng vào các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới đã, đang và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế đối ngoại, trong đó có du lịch phát triển. Việc Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO vào đầu năm 2007 đã tạo ra nhiều cơ hội lớn cho ngành du lịch trong tương lai.

Năm 2011, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030; năm 2013 tiếp tục phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho các địa phương trên cả nước và Vùng lập quy hoạch phát triển ngành phù hợp với tiến trình phát triển chung.

Trước bối cảnh và xu hướng đó, ngành du lịch Hưng Yên cần thiết phải được định hướng quy hoạch phát triển với tầm nhìn dài hạn và mang tính đột phá để làm cơ sở xây dựng các chương trình, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch tỉnh phù hợp với giai đoạn phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Theo đó việc lập quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025 là cần thiết và cấp bách.



II. TÊN QUY HOẠCH

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

III. CÁC CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH

- Luật Du lịch Việt Nam số 44/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Luật Di sản Văn hoá số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 14/9/2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 8/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển Du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới.
- Nghị định số 92/2006/NĐ - CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
- Nghị định số 92/2007/NĐ - CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;
- Nghị định số 04/2008/NĐ - CP ngày 11/1/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ - CP ngày 07/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa;
- Nghị định số 180/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;
- Quyết định số 191/2006/QĐ-TTg ngày 17/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-TW ngày 14/09/2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Quyết định số 744/QĐ-TTg ngày 27/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị đô thị cổ Phố Hiến gắn với phát triển du lịch;



Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 2163/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1355/QĐ-TTg ngày 14/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT ngày 9/2/2012 về việc Hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

- Thông tư 05/2013/TT-BKH ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015- 2020;

- Kế hoạch hành động số 91/KH-UBND ngày 14/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thực hiện Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới;

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên và quy hoạch của các ngành có liên quan trong tỉnh;

- Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hưng Yên giai đoạn 2001- 2010 và định hướng đến năm 2020;

- Niên giám thống kê Hưng Yên;

- Các tài liệu khác có liên quan.

IV. GIỚI HẠN, PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH

1. Về không gian: Theo địa giới hành chính tỉnh Hưng Yên.

Phía Bắc giáp thành phố Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh, phía Tây Bắc giáp thành phố Hà Nội, phía Đông giáp tỉnh Hải Dương, phía Đông Nam giáp thành phố Hà Nội, phía Tây giáp tỉnh Hà Nam, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình. Diện tích 926,03km²; Dân số năm 2015 gần 1,2 triệu người.



2. Về thời gian:

Số hiệu hiện trạng: 2005 – 2015.

Quy hoạch đến 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

V. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH

1. Quan điểm lập quy hoạch

Căn cứ điều 18, Luật Du lịch, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với định hướng Chiến lược phát triển ngành Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên và quy hoạch phát triển các ngành có liên quan trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt và vẫn còn hiệu lực.

- Đảm bảo góp phần giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Bảo vệ, phát triển tài nguyên du lịch và môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Bảo đảm tính khả thi cân đối cung và cầu du lịch.

- Phát huy lợi thế địa phương, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên; đáp ứng nhu cầu du lịch.

- Bảo đảm công khai trong quá trình lập và công bố quy hoạch.

2. Mục tiêu quy hoạch

2.1. Mục tiêu chung: Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 là bước cụ thể hoá Chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam, quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn 2030; các định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2015- 2020 và làm cơ sở để lập các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn, các quy hoạch chi tiết và các dự án phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đảm bảo tính khả thi, cân đối cung - cầu, khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch, phát huy thế mạnh, tạo ra sản phẩm du lịch đặc thù, thu hút khách du lịch, nhằm đưa du lịch Hưng Yên phát triển trở thành ngành kinh tế quan trọng và ngang tầm khu vực.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Xây dựng được hệ thống quan điểm, mục tiêu phát triển ngành du lịch tỉnh Hưng Yên một cách toàn diện về kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng và môi trường;

2.2.2. Đề xuất các chỉ tiêu cụ thể:



- Lượng khách du lịch hàng năm (quốc tế và nội địa).

- Thu nhập du lịch và GDP du lịch.

- Nhu cầu đầu tư, về lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật ngành.

2.2.3. Đề xuất các định hướng:

- Thị trường và sản phẩm du lịch.
- Tổ chức không gian.
- Đầu tư.

2.2.4. Đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch:

- Cơ chế chính sách.
- Tổ chức quản lý.
- Huy động vốn đầu tư.
- Bảo vệ tài nguyên môi trường.
- Liên kết phát triển sản phẩm.
- Xúc tiến quảng bá...

3. Nhiệm vụ và nội dung quy hoạch

Căn cứ điều 19, Luật Du lịch, nhiệm vụ và nội dung quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên bao gồm :

1. Đánh giá hiện trạng phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2005- 2015;
2. Xác định vị trí, vai trò và lợi thế phát triển du lịch Hưng Yên trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng và quốc gia trong giai đoạn phát triển mới;
3. Phân tích, đánh giá tiềm năng, hiện trạng tài nguyên du lịch, thị trường du lịch và các nguồn lực phát triển du lịch;
4. Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển du lịch, dự báo các chỉ tiêu và luận chứng các phương án phát triển du lịch;
5. Tổ chức không gian du lịch; kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch;
6. Xác định các khu vực ưu tiên đầu tư, đề xuất danh mục các dự án ưu tiên đầu tư (về quy mô, nhu cầu vốn...); nhu cầu sử dụng đất làm cơ sở xây dựng các quy hoạch chi tiết và các dự án nhằm thu hút vốn đầu tư ở trong và ngoài nước về phát triển du lịch;
7. Đánh giá tác động môi trường và đề xuất một số vấn đề về bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch góp phần đảm bảo phát triển du lịch bền vững;
8. Đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý, phát triển du lịch theo quy hoạch.

Nội dung chi tiết của báo cáo xem Phụ lục 1



VI. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH

Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng dựa trên việc sử dụng tổng hợp các phương pháp sau:

1. Phương pháp thực địa: Bao gồm các khảo sát, thu thập thông tin tư liệu để đánh giá tiềm năng, hiện trạng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn đến năm 2015.

2. Phương pháp tổng hợp, phân tích: Tổng hợp và phân tích số liệu thu thập, đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại yếu kém, các xu hướng phát triển du lịch của khu vực và thế giới trong hoàn cảnh mới từ đó đề xuất các định hướng và giải pháp phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn tiếp theo phù hợp tình hình, nhiệm vụ mới.

3. Phương pháp chuyên gia: Xin ý kiến đánh giá của chuyên gia ở Trung ương và địa phương trong lĩnh vực du lịch cũng như các lĩnh vực liên quan dưới các hình thức hội thảo khoa học, trao đổi kinh nghiệm.

4. Phương pháp kế thừa: Kế thừa các kết quả nghiên cứu của các quy hoạch, các đề án có liên quan trên địa bàn và mô hình phát triển du lịch của một số địa phương có điều kiện tự nhiên tương tự.

5. Phương pháp sơ đồ, bản đồ: Sử dụng phần mềm hệ thống thông tin địa lý MapInfo xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN LẬP QUY HOẠCH

1. Các cơ quan tham gia thực hiện quy hoạch

- *Cơ quan lập quy hoạch:* Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Hưng Yên
- *Cơ quan tư vấn:* Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch – TCDL.
- *Cơ quan thẩm định:* Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên.
- *Cơ quan phê duyệt:* UBND tỉnh Hưng Yên.

2. Tiến độ thực hiện quy hoạch

Thời gian thực hiện lập quy hoạch: 9 tháng kể từ khi đề cương, dự toán được phê duyệt. Dự kiến cụ thể theo trình tự nội dung công việc như sau:

TT	Nội dung công việc thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch	Tháng 02/2016
2	Trình và phê duyệt đề cương, ký kết hợp đồng hai bên	Tháng 4-5/2016
3	Thu thập, xử lý tư liệu, số liệu quy hoạch	Tháng 6 - 7/2016
4	Nghiên cứu lập quy hoạch và xin ý kiến địa phương	Tháng 8-11/2016
5	Chỉnh sửa, bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ trình duyệt	Tháng 12/2016-3/2017



3. Sản phẩm của dự án

Theo quy định đối với quy hoạch ngành bao gồm:

- 01 bộ bản đồ màu, tỷ lệ 1/150.000 – 1/100.000
- 10 bộ báo cáo tổng hợp kèm theo bản đồ khổ A3
- 10 bộ báo cáo tóm tắt kèm theo bản đồ khổ A3
- Tờ trình xin phê duyệt

Hệ thống bản đồ vẽ theo danh mục sau:

TT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ
1	Bản đồ vị trí và mối liên hệ du lịch Hưng Yên trong khu vực (vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc và cả nước)	Theo tỷ lệ thích hợp
2	Bản đồ tài nguyên du lịch tỉnh Hưng Yên	1/50.000 - 1/100.000
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch	1/50.000 - 1/100.000
4	Bản đồ tổ chức không gian, tuyến, điểm du lịch	1/50.000 - 1/100.000

4. Kinh phí thực hiện : 356.372.000 đồng

(Ba trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bảy hai ngàn đồng)

Xem dự toán chi tiết ở Phụ lục 2 kèm theo.



PHỤ LỤC 1:
Khung nội dung báo cáo Quy hoạch

MỞ ĐẦU

- 1. Lý do và sự cần thiết phải quy hoạch**
- 2. Tên quy hoạch**
- 3. Căn cứ lập quy hoạch**
- 4. Giới hạn, phạm vi, đối tượng nghiên cứu lập quy hoạch**
- 5. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ lập quy hoạch.**
- 6. Phương pháp nghiên cứu lập quy hoạch.**

PHẦN THỨ NHẤT

**ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ NGUỒN LỰC VÀ HIỆN TRẠNG
PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH HUNG YÊN GIAI ĐOẠN 2005 – 2015;
NHẬN ĐỊNH CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN DU
LỊCH HUNG YÊN ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

**I. ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG VÀ CÁC YẾU TỐ NGUỒN LỰC PHÁT
TRIỂN DU LỊCH TỈNH HUNG YÊN**

1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và tài nguyên du lịch

- 1.1. Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên
- 1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn

2. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch

- 2.1. Hệ thống giao thông
- 2.2. Hệ thống cung cấp điện; cấp, thoát nước
- 2.3. Hệ thống bưu chính viễn thông
- 2.4. Các công trình thể thao, văn hóa...

3. Các nguồn lực khác (vốn, nhân lực, đầu tư...)

**II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH HUNG
YÊN GIAI ĐOẠN 2005- 2015**

1. Vị trí, vai trò của du lịch

2. Các chỉ tiêu phát triển du lịch chủ yếu

- 2.1. Khách du lịch
- 2.2. Tổng thu từ du lịch
- 2.3. Cơ sở VCKT du lịch
- 2.4. Lao động ngành du lịch

3. Thị trường và sản phẩm du lịch

- 3.1. Thị trường khách du lịch



3.2. Hệ thống sản phẩm du lịch

4. Tổ chức không gian du lịch

4.1. Phân vùng lãnh thổ du lịch

4.2. Hệ thống các tuyến, điểm du lịch

4.3. Hiện trạng quỹ đất dành cho phát triển du lịch

5. Đầu tư phát triển du lịch

6. Quản lý nhà nước về du lịch

7. Xúc tiến quảng bá và đào tạo nguồn nhân lực du lịch

8. Ứng dụng KH&CN trong hoạt động du lịch

9. Hợp tác, liên kết phát triển du lịch

10. Đánh giá chung về hiện trạng phát triển ngành du lịch

III. ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐIỂM MẠNH, THUẬN LỢI - CƠ HỘI, ĐIỂM YẾU, KHÓ KHĂN - THÁCH THỨC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUNG YÊN ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 (PHÂN TÍCH SWOT)

1. Những điểm mạnh, thuận lợi - cơ hội

2. Những điểm yếu, khó khăn - thách thức

PHẦN THỨ HAI

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH HUNG YÊN ĐẾN NĂM 2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1. Quan điểm phát triển

2. Mục tiêu phát triển

II. DỰ BÁO CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH CHỦ YẾU

1. Căn cứ dự báo

2. Dự báo và luận chứng các phương án phát triển

(Đề xuất 3 phương án, luận chứng các phương án phát triển, luận chứng phương án chọn)

3. Các chỉ tiêu phát triển du lịch chủ yếu (theo p/án chọn)

3.1. Khách du lịch

3.2. Thu nhập du lịch, GDP du lịch, nhu cầu vốn đầu tư du lịch

3.3. Nhu cầu cơ sở lưu trú du lịch

3.4. Nhu cầu lao động ngành du lịch

IV. CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng phát triển thị trường khách du lịch

1.1. Thị trường quốc tế

1.2. Thị trường nội địa



2. Định hướng phát triển sản phẩm du lịch

3. Tổ chức không gian phát triển du lịch

3.1. Phát triển du lịch theo vùng

3.2. Hệ thống tuyến, điểm du lịch

3.3. Nhu cầu sử dụng đất phát triển du lịch

4. Định hướng đầu tư phát triển du lịch

4.1. Các khu vực ưu tiên đầu tư

4.2. Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư

4.3. Các dự án ưu tiên đầu tư

V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Dự báo các tác động chủ yếu tới môi trường từ hoạt động du lịch

2. Đề xuất một số giải pháp bảo vệ tài nguyên du lịch và môi trường

PHẦN THỨ BA

GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

I. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Cơ chế, chính sách

2. Đầu tư

3. Phát triển nguồn nhân lực

4. Phát triển sản phẩm

5. Xúc tiến, quảng bá

6. Tổ chức quản lý

7. Ứng dụng khoa học và công nghệ

8. Hợp tác, liên kết

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Ban Chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

3. Các Sở, Ban, Ngành liên quan

4. UBND các huyện, thành phố trong tỉnh

5. Doanh nghiệp, Hiệp hội Du lịch và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ



PHỤ LỤC 2:

Dự toán chi tiết lập Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

1. Chi phí thực hiện lập quy hoạch

Căn cứ lập dự toán:

- Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT ngày 9/2/2012 về việc Hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

- Loại quy hoạch: Quy hoạch ngành cho vùng tỉnh.

- Quy mô: Theo địa giới hành chính tỉnh, diện tích tự nhiên xấp xỉ 926km².

Trình tự tính toán:

1. Chi phí lập quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên:

Căn cứ Điều 7, Thông tư 01/2012/TT-BKHĐT, giá lập quy hoạch được tính theo công thức:

$$G_{QHN} = G_{\text{chuẩn}} \times H_1 \times H_2 \times H_3 \times Q_n \times K$$

Trong đó: G_{QHN} tổng mức chi phí lập quy hoạch.

$G_{\text{chuẩn}} = 850.000$ đồng;

H_1 : hệ số cấp độ địa bàn quy hoạch theo phụ lục I = 1

H_2 : Hệ số điều kiện làm việc và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, Hưng Yên là tỉnh thuộc vùng Kinh tế trọng điểm phía Bắc, theo phụ lục II = 2.

H_3 : Hệ số quy mô diện tích theo phụ lục III = 1,0.

Q_n Hệ số khác biệt giữa quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu, theo phụ lục VII = 0,15.

K : Hệ số điều chỉnh lương tối thiểu, bắt đầu từ tháng 7/2013 tăng lên từ 830.000 lên 1.150.000, được tính theo phụ lục XI, theo đó $K = K_1 + K_2$.

$$K_1 = 0,3 \times 1,0615 \text{ (chỉ số giá tiêu dùng Hưng Yên = 106,15\%)} = 0,318$$

$$K_2 = 0,7 \times 1,386 \text{ (hệ số điều chỉnh lương tối thiểu)} = 0,970$$

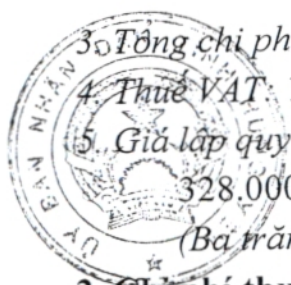
$$K = 0,318 + 0,970 = 1,288$$

Mức lương tối thiểu lập dự toán áp dụng theo Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, chỉ số giá tiêu dùng theo Niên giám thống kê năm 2014: $H_1 = 1$; $H_2 = 2$; $H_3 = 1$; $Q_n = 0,15$; $K = 1,288$.

$$G_{QHN} = 850.000 \times 1 \times 2 \times 1 \times 0,15 \times 1,288 = 328.000.000 \text{ đồng.}$$

2. Chi phí mua tài liệu và văn phòng phẩm.

Chi phí mua phần mềm bản đồ hành chính tỉnh, phần mềm bản đồ địa hình tỉnh và văn phòng phẩm thực hiện thanh toán theo thực tế hóa đơn khi hoàn thành dự án quy hoạch.



3. Tổng chi phí lập quy hoạch trước thuế: = 328.000.000 đồng

4. Thuế VAT: 10% = 28.372.000 đồng.

5. Giá lập quy hoạch kể cả VAT:

328.000.000 đồng + 28.372.000 đồng = 356.372.000 đồng.

(Ba trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bảy hai ngàn đồng)

2. Chi phí thực hiện các nhiệm vụ trong quy hoạch:

(Theo Thông tư 01/2012/TT – BKHĐT, phụ lục IX)

TT	Khoản mục chi phí	Tỷ lệ (%)	Mức chi tối đa (đồng)
	Tổng kinh phí lập quy hoạch	100	356.752.000
I	Chi phí xây dựng đề cương và dự toán	2,5	8.200.000
1	Chi phí xây dựng đề cương, nhiệm vụ	1,5	4.920.000
2	Chi phí lập dự toán theo đề cương, nhiệm vụ	1,0	3.280.000
II	Chi phí xây dựng quy hoạch	84,0	275.520.000
1	Chi phí thu thập, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu	7,0	22.960.000
2	Chi phí thu thập bổ sung về số liệu, tư liệu theo yêu cầu quy hoạch	4,0	13.120.000
3	Chi phí khảo sát thực địa	20,0	65.600.000
4	Chi phí thiết kế quy hoạch	53,0	173.840.000
III	Chi phí khác	13,5	44.280.000
1	Chi phí quản lý dự án quy hoạch	4,0	13.120.000
2	Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ và dự toán	1,5	4.920.000
3	Chi phí thẩm định quy hoạch	4,5	14.760.000
4	Chi phí công bố quy hoạch	3,5	11.480.000
IV	Thuế VAT (I + II)	10	28.372.000